Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0303.39.00

Mã HS	0303.39.00
Mô tả hàng hóa	Cá, đông lạnh, trừ phi-lê cá (fillets) và các loại thịt cá khác thuộc nhóm 03.04 / - Cá bơn (Pleuronectidae, Bothidae, Cynoglossidae, Soleidae, Scophthalmidae và Citharidae), trừ các phụ phẩm ăn được sau giết mổ của cá thuộc các phân nhóm từ 0303.91 đến 0303.99: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 18:20:30
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/03033900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K379
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N379
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q379
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ379
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục C)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	8,2	8,2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E373
ATIGA	2022	2022	0	AT!E374
ATIGA	2023	2023	0	AT!F374
ATIGA	2024	2024	0	AT!G374
ATIGA	2025	2025	0	AT!H374
ATIGA	2026	2026	0	AT!I374
ATIGA	2027	2027	0	AT!J374
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E376
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F376
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G376
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H376

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I376
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J376
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E374
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F374
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G374
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H374
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I374
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J374
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F374
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H373
AIFTA	30/12/2022	2022	18	AI!F376
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	17	AI!G376
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	16	AI!H376
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	15	AI!I376
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	15	AI!J376
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	15	AI!K376
VKFTA	2022	2022	0	VK!E374
VKFTA	2023	2023	0	VK!F374
VKFTA	2024	2024	0	VK!G374
VKFTA	2025	2025	0	VK!H374
VKFTA	2026	2026	0	VK!I374
VKFTA	2027	2027	0	VK!J374
VCFTA	2022	2022	4	VC!D375
VCFTA	2023	2023	2	VC!E375
VCFTA	2024	2024	0	VC!F375
VCFTA	2025	2025	0	VC!G375

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H375
VCFTA	2027	2027	0	VC!I375
VN-EAEU	2022	2022	4,1	EAV!D376
VN-EAEU	2023	2023	2,7	EAV!E376
VN-EAEU	2024	2024	1,4	EAV!F376
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G376
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H376
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I376
AHKFTA	2022	2022	9	AKH!D375
AHKFTA	2023	2023	6	AKH!E375
AHKFTA	2024	2024	6	AKH!F375
AHKFTA	2025	2025	3	AKH!G375
AHKFTA	2026	2026	3	AKH!H375
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I375
EVFTA	2022	2022	3,7	EV-NK!D373
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E373
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F373
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G373
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H373
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I373
UKVFTA	2022	2022	3,7	UKV!D375
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E375
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F375
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G375
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H375
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I375

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D375
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E375
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F375
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G375
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H375
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I375
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J375
RCEP A	2022	2022	13,5	RCEPT-A!D374
RCEP A	2023	2023	12	RCEPT-A!E374
RCEP A	2024	2024	10,5	RCEPT-A!F374
RCEP A	2025	2025	9	RCEPT-A!G374
RCEP A	2026	2026	7,5	RCEPT-A!H374
RCEP A	2027	2027	6	RCEPT-A!I374
RCEP B	2022	2022	13,5	B!D374
RCEP B	2023	2023	12	B!E374
RCEP B	2024	2024	10,5	B!F374
RCEP B	2025	2025	9	B!G374
RCEP B	2026	2026	7,5	B!H374
RCEP B	2027	2027	6	B!I374
RCEP C	2022	2022	13,5	C!D374
RCEP C	2023	2023	12	C!E374
RCEP C	2024	2024	10,5	C!F374
RCEP C	2025	2025	9	C!G374
RCEP C	2026	2026	7,5	C!H374
RCEP C	2027	2027	6	C!I374
RCEP D	2022	2022	13,6	D!D374

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	12,3	D!E374
RCEP D	2024	2024	10,9	D!F374
RCEP D	2025	2025	9,5	D!G374
RCEP D	2026	2026	8,2	D!H374
RCEP D	2027	2027	6,8	D!I374
RCEP E	2022	2022	13,5	E!D374
RCEP E	2023	2023	12	E!E374
RCEP E	2024	2024	10,5	E!F374
RCEP E	2025	2025	9	E!G374
RCEP E	2026	2026	7,5	E!H374
RCEP E	2027	2027	6	E!I374
RCEP F	2022	2022	13,5	F!D374
RCEP F	2023	2023	12	F!E374
RCEP F	2024	2024	10,5	F!F374
RCEP F	2025	2025	9	F!G374
RCEP F	2026	2026	7,5	F!H374
RCEP F	2027	2027	6	F!I374
VIFTA	2024	2024	*	VI!F356
VIFTA	2025	2025	*	VI!G356
VIFTA	2026	2026	*	VI!H356
VIFTA	2027	2027	*	VI!I356

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AIFTA 15%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (15%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 15%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0303.39.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 0303.39.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N379), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.